Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:.....

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☑; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ Thông tin; Chuyên ngành: Truyền thông và mạng máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Phi Lê

2. Ngày tháng năm sinh: 20/08/1982; Nam ☐; Nữ ☑; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☐

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 33 Ngách 432/20 Đội Cấn, Cống Vị, Ba Đình, Hà nội

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): D02-L08, khu đô thị An Vượng, Dương Nội, Hà Đông, Hà nội

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0865488436;

E-mail: lenp@soict.hust.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 06,2010 đến tháng, năm 10,2010: Kỹ sư tại Công ty cổ phần công nghệ Viettel

Từ tháng, năm 11,2010 đến tháng, năm 06,2022: Giảng viên tại Đại học Bách Khoa Hà nội

Chức vụ hiện nay: Giám đốc điều hành trung tâm Nghiên cứu quốc tế về trí tuệ nhân tạo BKAI, Đại học Bách Khoa Hà nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Giám đốc điều hành trung tâm Nghiên cứu quốc tế về trí tuệ nhân tạo BKAI, Đại học Bách Khoa Hà nội

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Khoa học máy tính, Trường Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Đại học Bách Khoa Hà nội

Địa chỉ cơ quan: Số 1, Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà nội

Điện thoại cơ quan:

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Ứng viên là giảng viên cơ hữu của Đại học Bách Khoa Hà Nội.

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 23 tháng 03 năm 2007, số văn bằng: 53627, ngành: Kỹ thuật, chuyên ngành: Kỹ thuật thông tin và Truyền thông; Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Tokyo, Nhật Bản
- Được cấp bằng ThS [4] ngày 24 tháng 03 năm 2010, số văn bằng: 3247, ngành: Khoa học tiên tiến, chuyên ngành: Tin học tiên tiến; Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Tokyo, Nhật Bản
- Được cấp bằng TS [5] ngày 22 tháng 03 năm 2019, số văn bằng: 2080, ngành: Khoa học đa ngành, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường cao học nghiên cứu nâng cao (SOKENDAI), Nhật Bản

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (Hội đồng IV: Công nghệ thông tin, Toán học, Kinh tế)

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Hướng nghiên cứu 1: Thiết kế và tối ưu hóa các mạng truyền thông
- Hướng nghiên cứu 2: Nghiên cứu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong các mạng truyền thông

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 2 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 2 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 62 bài báo khoa học, trong đó 16 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 0, trong đó 0 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen học sinh đạt Huy chương bạc toán quốc tế IMO 2000	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2000

2	Sinh viên xuất sắc nhất viện Tin học Quốc gia Nhật Bản	Viện tin học quốc gia Nhật Bản	2018
3	Bài báo xuất sắc nhất hội thảo ISSNIP năm 2014	Ban tổ chức hội thảo ISSNIP năm 2014	2014
4	Bài báo sinh viên xuất sắc nhất hội thảo ICT-DM 2018	Ban tổ chức hội thảo ICT-DM 2018	2018
5	Giảng viên hướng dẫn sinh viên đạt giải nhất sinh viên nghiên cứu khoa học	Đại học Bách Khoa Hà nội	2014

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Về đào tạo: Ứng viên luôn hoàn thành tốt công tác giảng dạy do cơ sở đào tạo phân công. Khối lượng giảng dạy hàng năm luôn vượt định mức chuẩn theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo, và Đại học Bách Khoa Hà nội. Các giờ dạy của ứng viên luôn nhận được phản hồi tích cực từ sinh viên. Bên cạnh việc giảng dạy sinh viên Đại học, ứng viên cũng tham gia các khóa đào tạo phổ cập kiến thức cho cộng đồng. Trên bất kỳ cương vị nào, ứng viên cũng luôn cố gắng hết sức và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Về nghiên cứu: Ứng viên luôn duy trì việc nghiên cứu chuyên sâu và đạt được nhiều kết quả nghiên cứu nổi bật, với 62 công bố khoa học, trong đó có 16 bài báo tại các tạp chí uy tín (11 bài báo Q1 và 4 bài báo Q2). Ứng viên cũng có nhiều công bố tại các hội thảo khoa học đầu ngành, trong đó có 08 bài báo tại các hội thảo được xếp hạng A, và 20 bài báo tại các hội thảo xếp hạng B theo bảng xếp hạng của tổ chức CORE. Ứng viên có nhiều nghiên cứu được tài trợ bởi các tổ chức uy tín như VinIF, Nafosted, bộ Giáo dục và Đào tạo. Hiện nay, ứng viên là chủ nhiệm của 01 đề tài VinIF, 01 đề tài cấp Bộ và 01 đề tài Nafosted. Từ tháng 3/2021, ứng viên đảm nhận vị trí giám đốc điều hành Trung tâm nghiên cứu quốc tế về trí tuệ nhân tạo (BKAI), Đại học Bách Khoa Hà nội. Ứng viên cùng với các nhà nghiên cứu trong trung tâm BKAI tổ chức nhiều sự kiện có ảnh hưởng lớn tới cộng đồng như: hội thảo khoa học AI Now, cuộc thi AI Hackathon.

- Về các hoạt động khác: Bên cạnh việc tham gia trực tiếp vào giảng dạy và nghiên cứu, ứng viên hiện đang đảm nhận vai trò trợ lý Ban giám hiệu trường CNTT&TT về chương trình Công nghệ thông tin Việt-Nhật. Với

vai trò này, ứng viên tham gia xây dựng chương trình đào tạo, quán xuyến hoạt động của chương trình, làm cầu nối giữa sinh viên, nhà trường và doanh nghiệp. Đầu năm 2022, ứng viên tham gia tổ công tác xây dựng báo cáo đánh giá ngoài AUN-QA cho chương trình đào tạo Công nghệ Thông tin Việt-Nhật với vai trò tổ trưởng.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 11 năm 08 tháng
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	**Phụ**			**ĐH**	**SĐH**	

1	09/2010-08/2011					120		120/252,6/140. Ứng viên trong thời gian hợp đồng làm việc lần đầu. Theo QĐ 64/2008/QĐ-BGDĐT, TT mới nhất số 20/2020/TT-BGDĐT, và theo quy định của ĐH Bách Khoa Hà nội, ứng viên có định mức giờ chuẩn bằng 50%, tức là 140 giờ định mức, 70 giờ GD trực tiếp.
2	09/2014-08/2015				18	150		150 / 510 / 280 (Theo QĐ 64/2008/QĐ-BGDĐT, số giờ chuẩn định mức cho giảng viên là 280, số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp là 140)

3	09/2015-08/2016				13	330		330 / 675 / 270 (Từ 25/3/2015, theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT, số giờ chuẩn định mức cho giảng viên là 270, số giờ chuẩn GD trực tiếp trên lớp là 135)
03 năm học cuối								
4	09/2019-08/2020				6	417		417 / 1012,2 / 270
5	09/2020-08/2021				6	427		427,8 / 1106,25 / 270
6	09/2021-06/2022	1		2	6	298	75	373,8 / 1131,45 / 270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☑:

- Học ĐH ☑; Tại nước: Nhật Bản; Từ năm 2003 đến năm 2007

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; Tại nước: Nhật Bản năm 2019

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☐:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng: ; năm cấp:

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài

☑:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Giảng dạy môn Information Security (IT4012E), thuộc chương trình ICT, trường Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Đại học Bách Khoa Hà nội

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/ CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/ BSNT	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Minh Hiếu		X	X		02/2021 đến 10/2021	Đại học Bách Khoa Hà nội	20/12/2021
2	Ngô Minh Hải		X	X		02/2021 đến 12/2021	Đại học Bách Khoa Hà nội	17/03/2022

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Không có							

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Xếp loại KQ
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Đề xuất thuật toán phát hiện và theo dõi hố mạng trong mạng cảm biến không dây. Ứng dụng quan sát vùng xảy ra thiên tai, hỏa hoạn	CN	T2015 -039, cấp Cơ sở	18/6/2015 đến 15/12/2015	14/12/2015 Kết quả: Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Các kỹ thuật phát triển và kiểm thử các ứng dụng web sử dụng biến đổi mô hình và ngôn ngữ ATL	CN	T2018-PC-015, cấp Cơ sở	01/03/2019 đến 29/02/2020	7/7/2020 Kết quả: Đạt

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Distributed Hole-Bypassing Protocol in WSNs with Constant Stretch and Load Balancing	5	Có	Computer Networks, 1389-1286	Q1 - SCIE ***IF: 4,474***	37	129, 1, 232-250	12/2017
2	An Energy Efficient and Load Balanced Distributed Routing Scheme for Wireless Sensor Networks with Holes	4	Không	Journal of Systems and Software, 0164-1212	Q1 - SCIE ***IF: 2,829***	26	123 92-105	01/2017

3	A Distributed Algorithm for Monitoring an Expanding Hole in Wireless Sensor Networks	4	Không	An International Journal of Computing and Informatics,1854-3871	Q4 - ESCI ***IF: 1,211***		40, 2, 181–195	04/2016
4	On hole approximation algorithms in wireless sensor networks	2	Có	Journal of Computer Science and Cybernetics, 1813-9663	- ACI		30, 4, 377–396	12/2014
5	Deep Convolutional LSTM Network-based Traffic Matrix Prediction with Partial Information	3	Không	2019 IFIP/IEEE Symposium on Integrated Network and Service Management (IM), 978-3-903176-15-7, Hội thảo rank A (theo bảng xếp hạng CORE 2018)		20		04/2019
6	Routing in the Vicinity of Multiple Holes in WSNs	4	Có	2018 5th International Conference on Information and Communication Technologies for Disaster Management (ICT-DM), 978-1-5386-6638-8, Bài báo sinh viên xuất sắc nhất				12/2018

7	Node Placement for Target Coverage and Network Connectivity in WSNs with Multiple Sinks	6	Không	2018 15th IEEE Annual Consumer Communications & Networking Conference (CCNC), 2331-9860, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)		7		01/2018
8	Load Balanced and Constant Stretch Routing in the Vicinity of Holes in WSNs	4	Có	2018 15th IEEE Annual Consumer Communications & Networking Conference (CCNC), 2331-9860, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)		2		01/2018
9	Constant Stretch and Load Balanced Routing Protocol for Bypassing Multiple Holes in Wireless Sensor Networks	4	Có	2017 IEEE 16th International Symposium on Network Computing and Applications (NCA), 978-1-5386-1465-5, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE 2017)		3		11/2017

10	A Delay-Guaranteed Geographic Routing Protocol with Hole Avoidance in WSNs	4	Có	2017 IEEE 14th International Conference on Mobile Ad Hoc and Sensor Systems (MASS), 2155-6814, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)		2		10/2017
11	A Time and Energy Efficient Protocol for Locating Coverage Holes in WSNs	4	Có	2016 IEEE 41st Conference on Local Computer Networks (LCN), 978-1-5090-2054-6, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE 2014, 2017)		1		11/2016
12	A Distributed Protocol for Detecting and Updating Hole Boundary in Wireless Sensor Networks" (Best paper award)	4	Không	The Sixth International Symposium on Information and Communication Technology, 978-1-4503-3843-1, Hội thảo Scopus		2	171–178	12/2015

13	Load Balanced Routing with Constant Stretch for Wireless Sensor Network with Holes	3	Có	2014 IEEE Ninth International Conference on Intelligent Sensors, Sensor Networks and Information Processing (ISSNIP), 978-1-4799-2843-9, Hội thảo rank B (Theo bảng xếp hạng ERA 2010), Bài báo xuất sắc nhất hội thảo				04/2014
14	Hole Approximation-Dissemination Scheme for Bounded-Stretch Routing in Sensor Networks	2	Có	2014 IEEE International Conference on Distributed Computing in Sensor Systems, 2325-2944, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				05/2014
15	ELBAR: Efficient Load Balanced Routing Scheme for Wireless Sensor Networks with Holes	3	Có	The Third Symposium on Information and Communication Technology (SoICT), 978-1-4503-1232-5		2	190–199	08/2012

16	Efficient Approximation of Routing Holes in Wireless Sensor Networks	4	Có	The Second Symposium on Information and Communication Technology (SoICT), 978-1-4503-0880-9		4	72–79	10/2011
17	A Performance Evaluation of Energy Efficient Schemes for Green Office Networks	4	Có	2010 IEEE Green Technologies Conference, 2166-5478		20		04/2010
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
18	On the Global Maximization of Network Lifetime in Wireless Rechargeable Sensor Networks	5	Có	ACM Transactions on Sensor Networks, 1550-4859	Q1 - SCIE ***IF: 2,253***			01/2022
19	Constant Approximation for Opportunistic Sensing in Mobile Air Quality Monitoring System	4	Không	Computer Networks, 1389-1286	Q1 - SCIE ***IF: 4,474***		202	01/2022

20	Joint Optimization of Charging Location and Time for Network Lifetime Extension in WRSNs	5	Có	IEEE Transactions on Green Communications and Networking, 2473-2400	Q1 - SCIE ***IF: 3,881 (Theo Scopus)***		6, 2, 1186 - 1197	06/2022
21	A bi-level optimized charging algorithm for energy depletion avoidance in wireless rechargeable sensor networks	6	Không	Applied Intelligence, 1573-7497	Q2 - SCIE ***IF: 5,086***		52 6812–6834	09/2021
22	QIH: an Efficient Q-learning Inspired Hole-Bypassing Routing Protocol for WSNs	6	Có	IEEE Access, 2169-3536	Q1 - SCIE ***IF: 3,367***		9 123414 - 123429	08/2021

23	An On-demand Charging for Connected Target Coverage in WRSNs using Fuzzy Logic and Q-learning	5	Có	Sensors	Q2 - SCIE ***IF: 3,576***	5	21, 16	08/2021
24	Empowering 5G Mobile Devices with Network Softwarization	4	Không	IEEE Transactions on Network and Service Management, 1932-4537	Q1 - SCIE ***IF: 4,195***	4	18, 3, 2492 - 2501	09/2021
25	PM2.5 Prediction Using Genetic Algorithm-based Feature Selection and Encoder-Decoder Model	6	Có	IEEE Access, 2169-3536	Q1 - SCIE ***IF: 3,367***	7	9 57338 - 57350	04/2021
26	Energy-efficient routing in the proximity of a complicated hole in wireless sensor networks	5	Không	Wireless Networks, 1572-8196	Q2 - SCIE ***IF: 2,602***	5	27 3073–3089	03/2021

27	"(1+epsilon)2-and Polynomial-Time Approximation Algorithms for Network Lifetime Maximization with Relay Hop Bounded Connected Target Coverage in WSNs	5	Có	IEEE Sensors Journal, 1558-1748	Q1 - SCIE ***IF: 3,301***		21, 7, 9577 - 9599	04/2021
28	A Path-Length Efficient, Low-Overhead, Load-Balanced Routing Protocol for Maximum Network Lifetime in Wireless Sensor Networks with Holes	3	Có	Sensors, 1424-8220	Q2 - SCIE ***IF: 3,576***	3	20, 9	04/2020

29	Node placement for connected target coverage in wireless sensor networks with dynamic sinks	5	Có	Pervasive and Mobile Computing,1574-1192	Q1 - SCIE ***IF: 3,453***	8	59	10/2019
30	TELPAC: A time and energy efficient protocol for locating and patching coverage holes in WSNs	4	Có	Journal of Network and Computer Applications, 1084-8045	Q1 - SCIE ***IF: 6,281***	10	147	12/2019
31	Deep Reinforcement Learning-based Offloading for Latency Minimization in 3-tier V2X Networks	6	Có	2022 IEEE Wireless Communications and Networking Conference (WCNC), 1558-2612, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				04/2022

32	Spatial-temporal Coverage Maximization in Vehicle-based Mobile Crowdsensing for Air Quality Monitoring	5	Có	2022 IEEE Wireless Communications and Networking Conference (WCNC), 1558-2612, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				04/2022
33	Visual-guided audio source separation: an empirical study	6	Không	2021 International Conference on Multimedia Analysis and Pattern Recognition (MAPR), 978-1-6654-1910-9				10/2021
34	Q-learning-based Opportunistic Communication for Real-time Mobile Air Quality Monitoring Systems	5	Có	2021 IEEE International Performance, Computing, and Communications Conference (IPCCC), 2374-9628, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				10/2021

35	Usability and Aesthetics: Better Together for Automated Repair of Web Pages	4	Không	2021 IEEE 32nd International Symposium on Software Reliability Engineering (ISSRE), 2332-6549, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE)				10/2021
36	Realizing Mobile Air Quality Monitoring System: Architectural Concept and Device Prototype	8	Không	2021 26th IEEE Asia-Pacific Conference on Communications (APCC), 2163-0771, Hội thảo Rank C (Theo bảng xếp hạng CORE)				10/2021
37	Speaker count: a new building block for speaker diarization	6	Không	2021 15th Asia-Pacific Signal and Information Processing Association Annual Summit and Conference (APSIPA ASC), 2640-0103				12/2021

38	Multi-Agent Multi-Armed Bandit Learning for Offloading Delay Minimization in V2X Networks	5	Có	2021 IEEE 19th International Conference on Embedded and Ubiquitous Computing (EUC), 978-1-6654-0036-7, Hội thảo Rank C (Theo bảng xếp hạng CORE)				10/2021
39	Fuzzy Deep Q-learning Task Offloading in Delay Constrained Vehicular Fog Computing	6	Không	2021 International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN), 2161-4407, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE 2021)				07/2021
40	MC-OCR Challenge 2021: A Multi-modal Approach for Mobile-Captured Vietnamese Receipts Recognition	10	Không	2021 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF), 978-1-6654-0435-8				08/2021

41	Efficient Prediction of Discharge and Water Levels Using Ensemble Learning and Singular-Spectrum Analysis-based Denoising	7	Có	The 34th International Conference on Industrial, Engineering & Other Applications of Applied Intelligent Systems IEA/AIE 2021, 978-3-030-79463-7, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE 2021)			34–46	07/2021
42	GCRINT: Network Traffic Imputation Using Graph Convolutional Recurrent Neural Network	6	Không	IEEE International Conference on Communications (ICC), 1938-1883, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE 2021)				06/2021
43	Multi-time-step Segment Routing based Traffic Engineering Leveraging Traffic Prediction	5	Không	2021 IFIP/IEEE International Symposium on Integrated Network Management (IM), 1573-0077, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE 2021)				05/2021

44	Optimal Deployment of Vehicular Mobile Air Quality Monitoring Systems	5	Có	2020 7th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), 978-0-7381-0553-6				11/2020
45	An (e−1)(2e−1)-Approximation Algorithm for Maximizing Coverage Capability in Mobile Air Quality Monitoring Systems	5	Không	2020 IEEE 19th International Symposium on Network Computing and Applications (NCA), 2643-7929, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE 2020)		1		11/2020
46	Q-learning-based, Optimized On-demand Charging Algorithm in WRSN	4	Có	2020 IEEE 19th International Symposium on Network Computing and Applications (NCA), 2643-7929, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE 2020)		2		11/2020

47	SAFL: A Self-Attention Scene Text Recognizer with Focal Loss	6	Có	2020 19th IEEE International Conference on Machine Learning and Applications (ICMLA), 978-1-7281-8470-8, Hội thảo Rank C (Theo bảng xếp hạng CORE)				12/2020
48	Modeling and Minimizing Latency in Three-tier V2X Networks	5	Có	GLOBECOM 2020 - 2020 IEEE Global Communications Conference, 2576-6813, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE), H5-index: 63		5		12/2020
49	A 1/2-Approximation Algorithm for Target Coverage Problem in Mobile Air Quality Monitoring Systems	4	Không	GLOBECOM 2020 - 2020 IEEE Global Communications Conference, 2576-6813, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE), H5-index: 63				12/2020

50	Node Deployment Optimization for Target Coverage and Connectivity in WSNs with a Delay-constrained Mobile Sink	5	Không	2020 IEEE Eighth International Conference on Communications and Electronics (ICCE), 978-1-7281-5471-8				01/2021
51	Optimizing Charging Locations and Charging Time for Energy Depletion Avoidance in Wireless Rechargeable Sensor Networks	6	Không	2020 IEEE Congress on Evolutionary Computation (CEC), 978-1-7281-6929-3, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)		1		07/2020
52	A Reinforcement Learning Algorithm for Resource Provisioning in Mobile Edge Computing Network	6	Không	2020 International Joint Conference on Neural Networks (IJCNN), 2161-4407, Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE 2020)		1		07/2020

53	Genetic Algorithm-based Periodic Charging Scheme for Energy Depletion Avoidance in WRSNs	6	Không	2020 IEEE Wireless Communications and Networking Conference (WCNC), 1558-2612, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)		6		05/2020
54	Extending Network Lifetime by Exploiting Wireless Charging in WSN	3	Có	2020 RIVF International Conference on Computing and Communication Technologies (RIVF), 978-1-7281-5377-3		1		10/2020
55	A Dynamic Routing Protocol for Maximizing Network Lifetime in WSNs with Holes	3	Có	The Tenth International Symposium on Information and Communication Technology (SoICT), 978-1-4503-7245-9, Hội thảo Scopus			216–223	12/2019
56	Exploiting Q-learning in Extending the Network Lifetime of Wireless Sensor Networks with Holes	4	Có	2019 IEEE 25th International Conference on Parallel and Distributed Systems (ICPADS), Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				12/2019

57	Network Lifetime Maximization for Full Area Coverage in Wireless Sensor Networks	3	Có	2019 25th Asia-Pacific Conference on Communications (APCC), 978-1-7281-3679-0, Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				11/2019
58	Development of Rules and Algorithms for Model-Driven Code Generator with UWE Approach	4	Có	The 18th international conference on intelligient software methodologies, tools, and techniques, 978-1-64368-013-2				09/2019
59	Generating Test Data for Blackbox Testing from UML-Based Web Engineering Content and Presentation Models	6	Có	International Conference on Industrial Networks and Intelligent Systems, 978-3-030-30149-1			207–219	08/2019

60	A Lightweight and Efficient GA-based Model-Agnostic Feature Selection Scheme for Time Series Forecasting	6	Có	The 14th Asian Conference on Intelligent Information and Database Systems (ACIIDS), Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				11/2022
61	FedDRL: Deep Reinforcement Learning-based Adaptive Aggregation for Non-IID Data in Federated Learning	8	Có	51st International Conference on Parallel (ICPP), Hội thảo Rank A (Theo bảng xếp hạng CORE)				09/2022
62	Deep Reinforcement Learning-Based Charging Algorithm for Target Coverage and Connectivity in WRSNs	7	Có	The 2022 Annual IEEE International Symposium on Personal, Indoor and Mobile Radio Communications (IEEE PIMRC 2022), Hội thảo Rank B (Theo bảng xếp hạng CORE)				09/2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 9 ([18] [20] [22] [23] [25] [27] [28] [29] [30])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố ***(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)***

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú

1	Chương trình đào tạo (ELITECH) Công nghệ thông tin Việt Nhật	Tham gia	Quyết định thành lập hội đồng phát triển chương trình đào tạo (ELITECH) Công nghệ thông tin Việt-Nhật, số 54B/QĐ-ĐHBK-ĐT	Đại học Bách Khoa Hà nội	Phê duyệt ban hành chương trình đào tạo ngày 18/06/2020.	.

9. Các tiêu chuẩn còn thiếu so với quy định cần được thay thế bằng bài báo khoa học quốc tế uy tín*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (ƯV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà nội , ngày 30 tháng 06 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)